

Xã hội học môi trường đồng tiến hóa

B. NORGAARD

Richard B. Norgaard là Tiến sĩ Kinh tế và là Giáo sư về Năng lượng và Tài nguyên thuộc chương trình Năng lượng và Tài nguyên Trường Đại học Tổng hợp California ở Berkeley. Ông là Chủ tịch đã được bầu của Hiệp hội Quốc tế về Kinh tế Sinh thái, là thành viên Ủy ban Quốc gia Mỹ, Ủy ban Khoa học về vấn đề Môi trường và là thành viên Hội đồng nghiên cứu Quốc gia. Trong dịp thăm và làm việc tại Trường Đại học Berkeley đạo tháng 6 vừa rồi, Viện trưởng Viện Xã hội học, Tổng Biên tập Tạp chí Xã hội học đã có dịp trao đổi và làm việc với Giáo sư R. B. Norgaard và mời Ông viết báo cho Tạp chí Xã hội học. Vì thế, vừa qua trong bức thư gửi cho Viện trưởng Viện Xã hội học ngày 24 tháng 6 năm 1996, R. B. Norgaard đã gửi thư cho Tạp chí Xã hội học bài viết này. Chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc Tạp chí. Hy vọng đây sẽ là một trong những cách giải thích hiện đại về con người tác động đến môi trường và môi trường tác động đến con người như thế nào, và Xã hội học Môi trường có thể làm được những gì để cải thiện mối quan hệ đó cũng như góp phần cung cấp một cách lý giải mới và rộng hơn về các vấn đề Môi trường nói chung.

TCXHH

Các nhà xã hội học môi trường đã ghi nhận trên văn bản các mối quan tâm và các vận động xã hội phát sinh từ những đổi thay về môi trường đi liền với việc hiện đại hóa ở các xã hội tư bản. Trong lĩnh vực xã hội học từ trước đến nay, các nhà xã hội học môi trường đã luôn coi hiện đại hóa là cái tất yếu. Điều này có nghĩa là thường thường các xã hội trước hiện đại hóa và các xã hội phi hiện đại đều không được xét đến một cách nghiêm túc. Giới hạn này phân biệt xã hội học với sử học và nhân chủng học, nhưng nó làm cho xã hội học môi trường không có khả năng so sánh rộng. Một số nhà xã hội học đã cố gắng diễn giải các đổi thay về môi trường đã phát sinh như thế nào, nhưng họ đã coi cốt lõi của vấn đề là ở khoảng cách trong xã hội gắn với tính hiện đại hoặc là ở vú trúc nội tại của chủ nghĩa tư bản. Những cách lý giải này có tính chất lịch sử về mặt xã hội, nhưng lại không có tính chất lịch sử về mặt môi trường, bởi thế giới lý sinh từ trước tới nay chưa có một vai trò lịch sử trong sự thể hiện của các vấn đề môi trường. Khoa xã hội học môi trường đồng tiến hóa trình bày trong chương này nhằm khắc phục các nhược điểm nói trên. Khoa học này có thể dùng để khám phá xem các xã hội hiện đại và phi hiện đại khác nhau như thế nào, nó cung cấp một cách giải thích về việc con người tác động đến môi trường và môi trường đã tác động đến con người theo thời gian như thế nào, và nó cũng có thể dùng để ghi nhận các lịch sử văn hóa và môi trường cụ thể.

Những bước khởi đầu gắn với hiện đại của xã hội học, được tóm tắt trong phần I, đã kim hãm tư duy xã hội học về tiến bộ và về môi trường, khiến cho xã hội học không thích hợp để giải thích các khủng hoảng môi trường hiện nay. Tương tự như thế, vì các nhà xã hội học đã lẫn lộn các sự việc thực tế với các

lý giải sinh học nên họ đã hạn chế cách lý giải, và bây giờ lại nói rằng tư duy sinh học cần phải để riêng cho các nhà sinh học làm. Trong phần II tôi trình bày thuyết tiến hóa và các khoa học xã hội đã gắn bó chặt chẽ với nhau ngay từ đầu như thế nào. Trong phần III, tôi mô tả bằng cách nào mà đồng tiến hóa giúp chúng ta hiểu được các quá trình đổi thay như thế nào để có thể đưa đến các cấu trúc xã hội liên kết chặt chẽ với nhau. Là cốt lõi trong sự không thỏa mãn của chúng tôi đối với cách nghiên cứu xã hội học đặt trọng tâm vào tính hiện đại khi xét đến các vấn đề môi trường, sự lý giải đồng tiến hóa cũng giải thích tại sao sự việc thường xảy ra như ta tính trước. Áp dụng quan điểm đồng tiến hóa cho các hệ thống xã hội và môi trường tác động tương hỗ ở phần IV, tôi liên kết lịch sử xã hội và môi trường để thiết lập một cách lý giải mới và rộng về các vấn đề môi trường. Một số kết quả của khoa xã hội học môi trường đồng tiến hóa được đưa ra trong phần kết.

I. TỰ NHIÊN, TIẾN BỘ VÀ CÁC CỘI NGUỒN CỦA XÃ HỘI HỌC

Các nhà xã hội học từ bao đời nay luôn bị rơi vào việc so sánh với các quá trình sinh thái và tiến hóa khi muốn lý giải các tác động tương hỗ và thay đổi về xã hội. Đồng thời, các lý luận có tính quyết định về môi trường đã gây ra nhiều tranh cãi trong giới xã hội học ngay từ khi khởi đầu khoa học này. Mâu thuẫn đó đã cản trở việc phát triển một ngành xã hội học môi trường có nội dung rộng hơn là việc chỉ đơn thuần ghi nhận lại các chuyên biến môi trường: Nhiều mâu thuẫn xuất phát ngay từ việc thành lập xã hội học. Chủ nghĩa môi trường là sự phê phán cái cách con người ta đã "tiến bộ" bằng việc khống chế tự nhiên bằng khoa học kỹ thuật. Sự phê phán này tấn công vào các định kiến hiện đại về vai trò của tự nhiên, và tấn công vào những cách cụ thể tính hiện đại đã thể hiện. Chủ nghĩa môi trường về cơ bản là xung khắc với các nền tảng theo tính hiện đại của xã hội học.

August Comte, cha đẻ của xã hội học và cũng là người đặt tên cho môn học này, đã rất hùng biện nói khoa học có thể giải phóng con người khỏi các trở ngại và thất thường mà gánh nặng tự nhiên mang lại. Xa hơn nữa, ông tranh luận rằng áp dụng phương pháp khoa học đối với con người sẽ cho phép các nhà xã hội học hiểu được các hệ thống xã hội để có thể thiết kế lại các hệ thống xã hội này để phục vụ cho tiến bộ của con người. Herbert - Spencer -- nhà khoa học tự nhiên, triết gia, và người cha nhiệt tình của tư duy tiến hóa trong xã hội học -- cũng tin tưởng rằng các luật của các hệ thống xã hội cũng xuất phát từ luật tự nhiên, và do đó tạo điều kiện cho tiến bộ. Emile Durkheim kiên trì tranh luận rằng có thể nghiên cứu các hệ thống xã hội một cách độc lập đối với các yếu tố môi trường, bởi loài người đã đang được giải phóng khỏi tự nhiên và sẽ ngày càng được giải phóng hơn. Những người thiết lập nên xã hội học đều có niềm tin mạnh mẽ rằng các hệ thống xã hội cần phải được tìm hiểu khoa học và thiết kế lại một cách hợp lý để tận dụng được hết các cơ hội có được để trở nên độc lập đối với môi trường xã hội học là khoa học có mục đích đẩy nhanh sự chuyển hóa xã hội này. Do đó mà thí dụ, xã hội học nông thôn được thành lập để đẩy nông dân chuyển sang hiện đại hóa nông nghiệp trong tương lai. Nhưng những người thành lập ra xã hội học cũng như những người hiện đại từ đó đến nay đã không trình bày tỉ mỉ các đặc điểm cụ thể mà xã hội tương lai phải có để được coi là tiến bộ của loài người. Thực ra là tương lai chỉ được đơn giản coi là tốt Max Weber đã ca thán về những hậu quả không hay ho gà của những sự chuyển biến mà các nhà xã hội học khi trước đã biết bao mong đợi, nhưng ông lại chấp nhận là sự chuyển hóa xã hội do hiện đại hóa là điều không thể tránh khỏi. Mặc dù tư tưởng khác có tăng lên nhiều trong vài thập niên qua nhưng phần cá biệt này rất nhỏ bé. Các nhà xã hội học vẫn hoàn toàn theo tư tưởng ban đầu của xã hội học, đó là các niềm tin theo hướng hiện đại hóa lịch sử mà trong thực tế đã gây ra sự xuống cấp về môi trường, về khoảng cách xã hội quá lớn, và những mất mát về phẩm giá con người.

Sinh ra trong không khí phát triển và được nuôi dưỡng với một tinh thần hiện đại tiền định, xã hội học, còn hơn cả các khoa học xã hội khác, bẩm sinh đã bị mù, không nhìn thấy những đức tính chúng ta đã mất đi trong quá khứ, không nhìn thấy sức mạnh của các nền văn hóa khác. Sự giải thích về thời đại và về các dân tộc khác là tất cả những gì ta có để so sánh hiện đại. Nhưng các nhà xã hội học vội vã nói: "Đừng lãng mạn hóa quá khứ." hay "Đừng lãng mạn hóa người truyền thống" mỗi khi người ta nói gì tốt về thời xưa hay về một nền văn hóa khác. Nói một ai đó có tính lãng mạn, tất nhiên, có nghĩa là để đối lập lại với tính khoa học, một đặc điểm được coi là hiện đại hơn và cao cấp hơn. Sự kết án chủ nghĩa lãng

mạn cũng biện hộ cho bất cứ cái gì của quá khứ đã bị mất đi trong thời hiện đại là điều không thể tránh khỏi. Chỉ có vài thập niên gần đây là các nhà xã hội học mới quan tâm một cách nghiêm túc đến những cái khác xã hội công nghiệp. Không phải là ngẫu nhiên mà các phân ngành được hình thành để nghiên cứu các dân tộc khác được mang một của tên xã hội học "phát triển".

Một định kiến lịch sử của xã hội học là có thể nghiên cứu con người tách rời khỏi tự nhiên đã trở thành một giáo điều là con người không có liên hệ tới các quá trình tự nhiên. Bất cứ một lời nào bóng gió ngụ ý là môi trường có tính quyết định đều tạo ra tranh cãi lớn. Lý luận thiên về tự nhiên của Thomas Malthus về tăng trưởng dân số và sự khốn khổ của con người đã trở thành một San Andreas Fault chia rẽ và luôn luôn gây sốc đối với các nhà khoa học xã hội và khoa học tự nhiên. Sinh học xã hội của E.O.Wilson vào giữa thập niên 1970 vẫn còn là một cột thu lôi, mặc dù đầu thập niên 1980 ông đã kết hợp vào mô hình của mình yếu tố văn hoá để đối phó với sự chỉ trích của những người theo trường phái quyết định luận văn hoá. Và phản ứng quá mạnh mẽ đối với sinh học xã hội có nguồn từ chính lịch sử đáng ngượng ngùng của sinh học xã hội có liên quan đến chủ nghĩa Darwin xã hội. Người ta vẫn kiên trì đòi tách rời các yếu tố môi trường và các yếu tố xã hội. Môi trường chỉ đơn giản là sân chơi của xã hội, là thế giới vật chất mà sự phân phối quyết định quyền lực. Nhưng luật của cuộc chơi và tự nhiên cuối cùng được phân chia thế nào thì không thể bao hàm trong bản thân các sự chuyển biến môi trường. Lại một lần nữa, mặt trời chiếu rọi thêm chỗ này chỗ kia, nhưng những xuất phát điểm hiện đại chủ nghĩa của xã hội học vẫn còn là một đám mây trĩu nặng.

Các chiều hướng xã hội học môi trường đồng tiến hóa nghiên cứu con người cùng tiến hóa với các hệ thống môi trường. Kiểu xã hội học môi trường đồng tiến hóa cụ thể được trình bày trong chương này là một công cụ lý tưởng để chất vấn các cách thức cụ thể mà khoa học kỹ thuật đã dẫn tới sự chuyển hóa của xã hội và môi trường. Nhìn lại tư duy tiến hóa, đặc biệt là mối liên hệ của nó đối với tư duy xã hội, sẽ đặt cho ta một nền tảng.

II. LỊCH SỬ CÁC KHÁI NIỆM TIẾN HÓA

Bao nhiêu ngàn năm nay, con người ta đã triết lý về việc tự nhiên thay đổi theo thời gian như thế nào. Các ý tưởng lịch sử đó về tiến hóa hiện vẫn còn truyền lại khi ta dùng từ này trong các khoa học xã hội. Chúng ta mới chính thức cổ được một sự hiểu biết gần đây. Năm 1858 Charles Darwin và Alfred Wallace đã cùng xác định các quá trình còn chưa được biết đến trong cái vốn hiểu biết sinh học của chúng ta về tiến hóa. Cả hai tiêu tán đồng Thomas Malthus, một mục sư kiêm nhà kinh tế học, đã cho rằng đến cuối thế kỷ 18, các quần thể dân cư sẽ lớn đến ngưỡng giới hạn môi trường "tự nhiên" và khi đó buộc phải cổ sự lựa chọn những cá thể mạnh và đào thải cá thể yếu. Do đó cơ sở của sự hiểu biết sinh học của chúng ta về tiến hóa là một mô hình kinh tế học hình thành xuất phát từ triết học đạo đức. Cũng rất cần phải lưu ý rằng Herbert Spencer có vai trò rất quan trọng là đã công khai tuyên bố phản đối thuyết sáng tạo có từ trước thời Darwin và Wallace, đã công khai bảo vệ và làm chi tiết lý thuyết của họ khi lý thuyết ra đời, và đã lấy thuyết tiến hóa làm một cơ sở cho xã hội học. Những tác phẩm hùng biện của Spencer về tiến hóa, cả tiến hóa sinh vật và tiến hóa xã hội đều đã được đọc nhiều hơn các tác phẩm của Darwin. Bên cạnh tầm quan trọng của Malthus và Spencer đối với thuyết tiến hóa sinh vật, thực tế là các nhà sinh học đã chú trọng vào sự cạnh tranh khi mô tả quá trình tiến hóa chứ không chú trọng đến bao nhiêu các liên hệ khác của các loài vật và cây cỏ bị thống trị bởi tư duy kinh tế của thế kỷ 19, thế kỷ 20. Do đó, dù lý thuyết của các nhà sinh học và các thuyết gia xã hội có hay đến thế nào thì quan điểm thuyết tiến hóa cần phải là lĩnh vực riêng cho sinh học và các nhà sinh học vẫn là một quan điểm có tính ngây thơ về mặt lịch sử (Greene. 1959).

Các Mác khâm phục học giả cùng thời Charles Darwin và thường nói đến tư duy tiến hóa như là một cách lý thú để lý giải lịch sử và đấu tranh giai cấp. Nhưng Mác không hề theo thế giới quan kiểu Darwin. Các khái niệm duy vật lịch sử trực tuyến, lực lượng sản xuất, quan niệm về một trật tự kinh tế xã hội thống nhất, chưa nói đến những tiên đoán về tương lai của trật tự đó, đều dựa trên các hệ thống cơ học tiểu Newton mà động lực là các sự chuyển biến đang diễn ra theo phương pháp biện chứng của Hegel.

Cho dù nhiều người nhận thấy có các khái niệm song song giữa nhìn nhận thay đổi theo lối biện chứng và theo lối biến hóa, sự lý giải chuyển biến dần dần sau mỗi cách nhìn nhận đó khác nhau. Mặc dù khôi phục thuyết tiến hóa, bản thân Mác ngay từ năm 1862 đã lo lắng rất có lý là học thuyết của Darwin có thể sẽ được dùng để biện hộ cho quyền lực của các nhà tư bản và sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản (Hodgson, 1994).

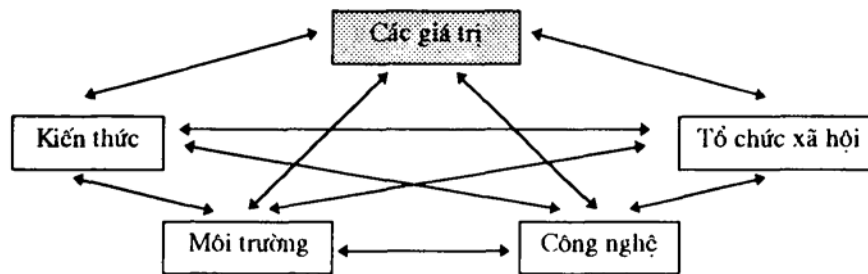
Và hoàn toàn chính xác sự biện hộ đó đã được Herbert Spencer lạo ra một cách vững chắc vào nửa sau thế kỷ 19, và nhà xã hội học Mỹ William Graham Sumner háo hức gầy dựng vào cuối thế kỷ này. Chủ nghĩa Darwin xã hội lý giải sai các phạm trù tiến hóa mới chỉ đang hình thành trong sinh học, kết hợp chúng với một thứ men rượu tồi là tư tưởng siêu đẳng phương Tây, các giá trị cá nhân chủ nghĩa tự do, một quan điểm còn non về sự phát triển và vội vàng đẩy nhanh cả mô hình tư tưởng này đi theo con đường hoàn toàn mới là xã hội học. Một cái sai nghiêm trọng là đồng nghĩa tiến hóa với tiến bộ. Điều này biện minh cho chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc, và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, coi đó là "tự nhiên" trên con đường tiến bộ kiểu phương Tây. Tư tưởng này bây giờ đã thành lịch sử trong xã hội học nhưng còn phổ biến trong cách hiểu của quảng đại quần chúng, đã làm cho việc phối hợp các phạm trù sinh học, nhất là các phạm trù tiến hóa, khắc sâu vào lý thuyết xã hội (Tax và Krucoff, 1968).

Người ta đã sai lầm khi đồng nghĩa tiến hóa với tiến bộ cho đến ngày nay, bởi quá trình tiến hóa thường được lý giải là một loài được cầm để ngày càng thích nghi hơn với một môi trường cụ thể định trước. Có thể tưởng tượng, ví dụ, các loài rùa tiến hóa để thích nghi hơn với các khu sa mạc ngày càng khô. Sự giải thích về hướng tiến hóa này dễ dàng bị người ta đồng hóa với các niềm tin của phương Tây về tiến bộ, cho nên góp phần vào chủ nghĩa Darwin xã hội. Tuy nhiên, định hướng lại là kết quả của kiểu tư duy chỉ về một loài và về môi trường là cụ thể và định sẵn. Trên thực tế, các đặc điểm quan trọng nhất của môi trường sống của đa số các loài lại là các đặc điểm của các loài khác. Khi nghiên cứu tiến hóa trong bối cảnh tác động tương hỗ của các loài, ta thấy các tập tính của các loài là được tuyển lựa trên cơ sở toàn thể và các đặc điểm của các loài cùng tiến hóa với nhau, liên quan chặt chẽ với nhau khi tính đến một số nhỏ các loài, và liên quan rộng hơn khi tính đến là tất cả các loài. Trong một thế giới đồng tiến hóa, tất cả một định hướng và khả năng tiên đoán đều mất đi. Có bằng chứng đáng kể là các nhà tiến hóa chủ nghĩa đã xét đến tác động tương hỗ và đồng tiến hóa của các loài từ lâu. Song lối lý giải định hướng đã thống trị nhận thức của họ trong một thế kỷ. Paul Ehrlich và Peter Raven (1963) đã phá vỡ sự thống trị này bằng một bài sơ thảo về sự đồng tiến hóa của các cơ chế tự vệ của cây và các đặc tính của các côn trùng ăn cây đó. Do đó, nhận thức về tiến hóa nêu trong bài viết này vẫn còn khá mới và không thuộc về kiến thức phổ thông.

III. ĐỔI THAY ĐỒNG TIẾN HÓA VỀ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

Phát triển cổ thể được mô tả là một quá trình đồng tiến hóa của các hệ thống xã hội và các hệ thống môi trường. Các yếu tố môi trường tác động đến trạng thái của một số khía cạnh nhất định của các hệ thống xã hội và các hệ thống xã hội lại ảnh hưởng đến trạng thái các khía cạnh nhất định của các hệ thống môi trường. Trong công việc của mình, tôi chia nhỏ các hệ thống xã hội thành kiến thức, giá trị các hệ thống tổ chức và kỹ thuật đồng tiến hóa với nhau và với các hệ thống môi trường (Norgaard, 1994). Theo cách mô tả này (hình 1), mỗi hệ thống có liên hệ đến từng hệ thống khác và khi mỗi hệ thống thay đổi lại làm thay đổi các hệ thống khác. Những đổi mới có chủ ý, các khám phá tình cờ, các thay đổi ngẫu nhiên (đột biến), và các cái mới ngẫu nhiên diễn ra trong mỗi hệ thống, ảnh hưởng đến trạng thái và đến sự phân phối và đến chất của các bộ phận trong từng hệ thống còn lại. Các bộ phận mới có phù hợp hay không là phụ thuộc vào việc các đặc tính nào là thống trị đối với mỗi hệ thống ở thời điểm đó. Các đặc tính của mỗi hệ thống lạo sức ép tuyển chọn đối với các đặc tính của mỗi hệ thống khác, chúng đồng tiến hóa theo phương thức mỗi hệ thống đều là phản ánh hệ thống khác. Đồng tiến hóa lý giải tại sao tất cả mọi thứ có vẻ có liên hệ chặt chẽ với nhau, nhưng tất cả cũng đồng thời có vẻ đang thay đổi. (hình 1)

Hình 1: Đồng tiến hóa Môi trường và Xã hội



Nói tỉ mỉ hơn nữa về quá trình này, hãy tưởng tượng rằng các hệ thống ở hình 1 -- các giá trị, kiến thức, tổ chức xã hội, công nghệ - bao gồm các loại khác nhau về cách đánh giá, các hiệu biết, cách tổ chức, cách hoạt động. Tương tự như lúc, hệ thống môi trường bao gồm vô số loài khác nhau, vô số các yếu tố môi trường và vô số các mối quan hệ giữa các loài, các yếu tố. Sự thống trị sống còn và tương đối, hay tần số, của mỗi loại cụ thể trong một phân hệ được "giải thích" bởi sự thích hợp từ trước tới nay của nó với phần thống trị tương đối các loại trong các hệ thống khác, tầm quan trọng tương đối, hay phân phối tần số, của các loại là kết quả của các quá trình chọn lọc. Bây giờ hãy tưởng tượng có một loại mới được đưa vào một trong các hệ thống đó. Ví dụ, tưởng tượng có một thể giới quan mới, tên là N gọi tắt của kiểu Newton, được đưa vào trong hệ thống kiến thức của văn hóa phương Tây. Tầm quan trọng sống còn và tương đối của N sẽ phụ thuộc vào các áp lực tuyển lựa từ phía các bộ phận của các hệ thống khác. Nếu N thích hợp đo bằng cách nào đó hỗ trợ cho các bộ phận khác thì nó sống sót, nếu không thì ngược lại (vice versa). Nếu N thích hợp hơn nhiều các cách nhận thức khác thì nó sẽ cạnh tranh và thay thế các cách nhận thức này, hoặc chỉ ít là giảm tầm quan trọng tương đối của các cách nhận thức đó. Và nếu N sống sót, nó sẽ bắt đầu tạo áp lực tuyển chọn đối với các bộ phận của các hệ thống khác và ảnh hưởng đến tính thống trị tương đối của chúng. Các quá trình thử nghiệm, khám phá, đột biến, cho cái mới vào mỗi hệ thống thúc đẩy đồng tiến hóa diễn ra xuyên suốt tất cả các phân hệ cùng một lúc. Mỗi hệ thống đều có áp lực tuyển lựa đối với các hệ thống khác, nên chúng đều phản ánh lẫn nhau.

Trong quan niệm đồng tiến hóa, môi trường quyết định tính thích hợp của cách xử sự của con người theo các cách hiểu biết, các dạng tổ chức xã hội, và các khu công nghệ. Song đồng thời, cách con người hiểu biết, tổ chức và sử dụng công cụ quyết định tính thích hợp của các đặc tính của một môi trường đang tiến hóa. Ở bất cứ thời điểm nào thì hai thứ cũng quyết định lẫn nhau. Xét về thời gian lâu dài thì không có cái nào quan trọng hơn cái nào. Và tùy thuộc vào đột biến gen, thay đổi giá trị, công nghệ, tổ chức xã hội, và môi trường tự nhiên đồng tiến hóa. Song, về lâu dài, chúng ta đi tới một tình hình cũng khó chịu không kém là không có cái gì quyết định cái gì, tất cả mọi thứ sẽ thay đổi theo những cách không thể nào đoán trước được. Tương lai chúng ta sẽ thế nào không chỉ do văn hóa hôm nay hay môi trường hôm nay quyết định mà bên cạnh hai cái đó còn có vô số các yếu tố tương lai không đoán trước được. Song tương lai đến, cái khóa ở gần vẫn luôn có.

Cách lý giải đồng tiến hóa đối với thay đổi thừa nhận rằng người ta thiết kế ra các yếu tố và đưa các yếu tố này vào văn hóa của mình, nhưng nó nhấn mạnh vào áp lực chọn lựa các bộ phận trong các hệ thống sẵn có cũng như nhấn mạnh vào sự thay đổi liên tục diễn ra do bản chất ngẫu nhiên của các đột biến và của việc đưa vào những cái mới trong cả hệ thống, giúp lý giải tại sao các thiết kế thường hay thất bại và có lúc khác ngẫu nhiên thành công nhờ một thứ hoàn toàn không mong đợi từ

trước. Theo quan điểm đồng tiến hóa thì thiết kế được coi là các thử nghiệm tiến hóa có chủ ý, vì kết quả của các thử nghiệm về định nghĩa là không chắc chắn. Các yếu tố mới thích hợp thì thành công do nó tác động tương hỗ với các yếu tố khác theo cách vận hành được. Các thử nghiệm có thể là ngẫu nhiên hay do thiết kế, và những thành công không còn là các yếu tố trong một hệ thống các yếu tố ngẫu nhiên. Hoàn toàn trái lại, khi chiêm ngưỡng mọi thứ tác động tương hỗ một cách phức tạp tinh vi trong môi trường tự nhiên, nhiều người tuyên bố rằng chỉ có một *Nhà Thiết Kế Vĩ Đại* mới có thể hoàn thành được công việc đó. Đối với các hệ thống xã hội, chúng tôi coi công tạo thành hệ thống tinh vi là của *Tính Hợp Lý Hiện Đại*, trong khi cả những người theo thuyết bất khả tri và những người vô thần đều cúi chào *Bàn Tay Vô Hình* của thị trường. Nói rõ hơn, người ta luôn luôn cố gắng dùng kiến thức họ có theo một cách có lý để tác động đến kết quả trong tương lai, nhưng chỉ có một số trong các thiết kế công nghệ và tổ chức của chúng ta được chọn lựa thích hợp.

Lẽ dĩ nhiên chúng ta bị vỡ mộng về một môi trường, vì biết bao nhiêu dự án hiện đại hóa ta khởi xướng trong thế kỷ vừa qua đã gây ra những hậu quả không lường trước được. Trong một N hay thế giới kiểu Newton, môi trường là có thể nhận thức được và tương lai của nó có thể được tiên đoán. Tương tự như thế, chúng ta có thể đoán trước được kết quả về những chuyển hóa môi trường do chúng ta tạo ra. Nhưng trong một thế giới đồng tiến hóa, tương lai gần thì mù mờ, tương lai xa thì vô hình. Chúng ta đã can thiệp vào tự nhiên làm như chúng ta sống trong một thế giới kiểu Newton, nhưng lịch sử lại hiện ra theo cách đồng tiến hóa, do vậy ta mới ngạc nhiên và vỡ mộng về mặt môi trường.

Chọn lọc, một khái niệm trung tâm của các mô hình tiến hóa, kéo theo quan niệm quyền lực đối với các kết quả tương lai. Mặc dầu quan điểm tiến hóa giải thích thay đổi, các đặc tính thống trị hôm nay sẽ có chiều hướng thống trị ngày mai, và sẽ ảnh hưởng tới các đặc tính của các yếu tố khác được cho phép trở nên thống trị. Theo kiểu này thì quyền lực thúc đẩy quá trình tiến hóa. Đồng thời, sự truyền lực này lại bị hạn chế trong một mô hình đồng tiến hóa, bản thân mô hình này không có một điểm quyền lực *ưu tiên* nào như là vốn hay các nhà tư bản. Tôi nghĩ rằng có thể cho những yếu tố nhất định trong hệ thống đồng tiến hóa tính ổn định cao hơn hay quyền lực chọn lọc cao hơn. Thành thực thì tôi nghĩ rằng bằng cách làm thái quá, ta có thể sẽ lập nên một mô hình song song với và tạo ra các quan điểm phục vụ cho các mô hình quyền lực sẵn có. Trong công việc của tôi, tôi không cho bất cứ một tác nhân nào trong cả sự chuyển biến hơn về quyền lực *ưu tiên*. Tôi để cho sự hạn chế lực cho tôi thấy các yếu tố khác nhiều tác động đến nhau rộng đến mức nào. Làm như vậy, mô hình sẽ không có tính môi trường quyết định hơn mà cũng không có tính văn hóa quyết định hơn, không quan tâm nhiều hơn đến tầm quan trọng của kỹ thuật so với tổ chức xã hội. cũng không chú trọng đến một nhân tố này nhiều hơn nhân tố khác. Như thế, cách tôi dùng mô hình đồng tiến hóa (có ít người làm như vậy), đã gây bực mình đôi chút cho những người thuộc vào các trường phái tư duy rất đa dạng, những người đã tự chọn mình hoặc chỉ đơn giản là đã cảm thấy dễ chịu với cái nhân tố mà trường phái của họ cho là quan trọng hơn các nhân tố khác.

Về mặt khác, không thể xét tới tất cả các khía cạnh của quá trình đồng tiến hóa cùng một lúc. Trong công việc của mình, tôi đã coi nặng một chút các giả định vũ trụ học và thư học trong kiến thức hiện đại nhưng không cho rằng những cái đó đã quyết định lịch sử. Tôi đã theo dõi xem những cái giả định này đã chọn lọc công nghệ và tổ chức xã hội như thế nào, đặc biệt cùng với sự chuyển hóa từ quy trình sản xuất bởi năng lượng là mặt trời sang quy định sản xuất bởi năng lượng là các nguyên liệu hóa thạch. Có các câu chuyện đồng tiến hóa khác, nhưng đây là câu chuyện đã đồng tiến hóa với kinh nghiệm của tôi, với việc đào tạo và đọc sách của tôi, với các tác động tương hỗ về tri thức và chính sách của tôi.

IV. ĐỒNG TIẾN HÓA KHÔNG BỀN VỮNG

Bây giờ hãy sử dụng các loại trong Hình 1 và cách hiểu đồng tiến hóa để hình thành một cách giải thích rộng có tính lịch sử về khủng hoảng môi trường của sự hiện đại (trình bày tỉ mỉ đầy đủ hơn trong Norgaard, 1994).

Khi nông nghiệp bắt đầu thành hình năm hay mười nghìn năm trước đây, thế giới cỡ khoảng 5 triệu người. Dân số tăng tám lần lên đến khoảng 1,6 tỉ người vào giữa thế kỷ 19. Tăng tám lần là do điều

kiện thuận lợi của các cuộc đồng tiến hóa đa dạng tại mỗi địa phương về các giá trị, kiến thức, cách tổ chức, công nghệ và hệ thống môi trường. Các hệ thống kinh tế và môi trường đồng tiến hóa theo các cách khác nhau ở các nơi khác nhau làm thành một tấm chăn ghép nhiều miếng văn hóa đồng tiến hóa cuối cùng đã che phủ địa cầu. Quá trình này diễn ra tùy theo hoàn cảnh cụ thể và theo lịch sử. Đời sống được cải thiện do các đổi mới trong nông nghiệp trên từng miếng ghép và do giao lưu giữa các miếng ghép đó. Xét về mặt năng lượng, ta có thể thấy con người đã bắt được thêm năng lượng của mặt trời, nhưng các đổi mới công nghệ được đi đôi có tuyển chọn với các chuyển hóa xã hội để cung cấp đa phần là các phản hồi bền vững cho môi trường. Việc cải tiến tàu thuyền khoảng 500 năm trước cuối cùng đã hình thành những quốc gia thương mại rộng lớn nhưng yếu ớt, sau đó là các hệ thống thống trị thực dân mạnh hơn. Các hệ thống này phần lớn là được áp đặt lên cái tấm ghép các nền văn hóa khác nhau, đẩy nhanh sự chuyển giao các tư tưởng, nguyên vật liệu, công nghệ và cách nhận thức của châu Âu. Song các miếng ghép vẫn còn khá là khác biệt cho đến khi sang thế kỷ 19.

Bắt đầu ở châu Âu và Bắc Mỹ, các giá trị, kiến thức, thể chế và công nghệ bắt đầu đồng tiến hóa với các hydrocarbon hóa thành chứ không phải với các hệ sinh thái nữa. Đến đầu thế kỷ 20 thì rõ ràng là các hệ thống xã hội công nghiệp đã tiến hóa đồng thời với các hydrocarbon hóa thạch, các hệ thống này khác biệt một cách nổi bật với các hệ thống nông nghiệp đã đồng tiến hóa với năng lượng mặt trời có được qua các quá trình của hệ sinh thái. Công nghệ giao thông vận tải mới, cơ sở hạ tầng mới, các hãng lớn, các thành phố lớn, mối quan tâm mới về nền giáo dục, và các phong cách tổ chức con người mới đồng tiến hóa. Các hệ sinh thái cũng bị chuyển hóa, nhưng quá trình chuyển hóa chuyển từ các thử nghiệm khai thác nhỏ trong thời kỳ đầu của nông nghiệp sang chèn ép và khống chế các chức năng của hệ sinh thái thông qua năng lượng dựa vào các hệ thống nông nghiệp dưới dạng phân bón và thiết bị cơ giới. Các hydrocarbon hóa thạch đã đóng một cái thêm vào giữa các tác động tương hỗ trung hạn và dài hạn của con người với hệ sinh thái, và các kiến thức, kỹ thuật và tác chế cũ dùng để quản lý các tác động tương hỗ với hệ sinh thái dần dần tan rã. Các hệ thống xã hội đáp ứng với các hệ thống môi trường chỉ còn là bằng các cố gắng đối phó muộn màng nhằm ngăn ngừa thiệt hại quá lớn chứ không phải nhằm làm ứng các cơ hội.

Có được hydrocarbon hóa thạch, các xã hội phương Tây đã giải phóng được mình, ít nhất trong một thời gian, khỏi bao nhiêu cái phức tạp khi phải liên hệ với các hệ thống môi trường. Máy kéo thay thế cho sức gia súc, phân bón thay thế cho cái phức tạp là phải xen canh các loại cây chủ của vi khuẩn cố định đạm, thuốc trừ sâu thay thế cho các cách khống chế sinh học của các hệ thống nông nghiệp phức tạp. Năng lượng rẻ có nghĩa là nông sản có thể trữ được lâu hơn và chuyên chở đi những đoạn đường dài hơn. Nông nghiệp chuyển từ văn hóa hệ sinh thái nông nghiệp của các cộng đồng là cung cấp tương đối sang văn hóa công nghiệp hóa nông nghiệp với nhiều chủ thể riêng ở xa nhau và liên hệ với nhau thông qua các thị trường quốc tế.

Nhưng ở đây tôi đã quá nhấn mạnh đến hydrocarbon hóa thạch. Trong các giả định vũ trụ học và thư học, cách mô tả tự nhiên theo thuyết nguyên tử đã thúc đẩy quá trình đồng tiến hóa này và cũng được củng cố mạnh hơn, sự chuyển hóa nông nghiệp được thúc đẩy bởi các ngành khoa học nông nghiệp tách rời nhau nghiên cứu các phần riêng của hệ thống. Trong trung hạn, các điều chỉnh riêng biệt đối với các hộ phận có vẻ thích hợp được với cả tổng thể vốn ổn định. Các cá nhân nông dân có vẻ giải phóng mình lược khỏi cái thất thường của tự nhiên. Nhưng dựa vào hydrocarbon hóa thạch chỉ có nghĩa là đẩy tác động môi trường dân những người khác, đến các cộng đồng dân lớn hơn, lớn hơn nữa, khoảng cách vĩ không gian và thời gian càng lớn. Các cá nhân nông dân không có động lực nào để hiểu và nghệ đến những tác động này. Đông đảo công chúng thì đã luôn đối phó muộn màng và lập các cơ chế tổ chức thử nghiệm để đưa từng vấn đề một vào vòng kiểm soát. Nhưng quá trình hiện đại hóa rộng lớn hơn, cụ thể là đổi thay về công nghệ và toàn cầu hóa, đi nhanh hơn nhiều những cải cách này.

Khủng hoảng môi trường đã đang mở ra trong vài thập niên gần đây là một loạt các thất bại mà công chúng đã nhận ra. Tất cả các nhận thức này đang đưa đến một sự hiểu biết sâu sắc của nhiều người

là chúng ta đang đi trên một con đường không bền vững, hiện đại không giải phóng chúng ta khỏi tự nhiên, mà nó mở rộng các cạnh thời khắc và không gian của các tác động tương hỗ và đồng tiến hóa cùng tự nhiên. Hơn nữa, đồng tiến hóa với hydrocarbon hoá thạch chứ không phải với tự nhiên khiến cho các cơ sở về kiến thức, tổ chức và công nghệ của chúng ta không đủ sức đối phó với các cạnh mở rộng ra của các tác động tương hỗ ta mới biết được. Áp dụng các thay đổi nhỏ nhằm quản lý môi trường của các thể chế đã đưa đến khủng hoảng rất ít có cơ thành công.

Một bức tranh đồng tiến hóa về khủng hoảng môi trường của chúng ta có thể được vẽ phong phú hơn và thỏa đáng hơn. Tuy nhiên, cả trong bức tranh phác thảo sớm của này, khuôn khổ đồng tiến hóa tạo điều kiện sinh ra một sự chỉ trích mới rộng và có khả năng rất sâu sắc đối với sự hiện đại. Khủng hoảng môi trường không phải chỉ là một cái lỗi sửa được hay một cái lỗi chết người của sự hiện đại, mà nó là cái đã bắt đầu rất sớm trong lịch sử của sự hiện đại và giờ đây lan rộng ra khắp sự hiện đại.

V. CÁC ƯU ĐIỂM CỦA XÃ HỘI HỌC MÔI TRƯỜNG ĐỒNG TIẾN HÓA

Mô hình đồng tiến hóa đi trước cung cấp một khuôn khổ mới cho tư duy về cách con người liên hệ tương hỗ với môi trường của họ trong lịch sử và đề ra các hướng đi mới cho tương lai. Khuôn khổ đồng tiến hóa với tư cách là một phương pháp của xã hội học môi trường có các ưu điểm sau:

+ Đơn giản là vì khuôn khổ đồng tiến hóa là cái mới. nó sẽ cho ta những hiểu biết mới. Nó cho ta một cách nhìn nhận các hệ thống đa dạng gồm hệ thống tự nhiên, hệ thống tổ chức, công nghệ, giá trị và kiến thức về lâu dài có thể ảnh hưởng đến nhau như thế nào.

+ Khuôn khổ đồng tiến hóa giúp ta thấy được như thế nào và tại sao cuộc tranh luận của chúng ta giữa trường phái môi trường quyết định và trường phái văn hóa quyết định không có kết quả.

+ Bằng cách kết hợp vào các hệ thống kiến thức trong quá trình đồng tiến hóa, chúng ta có được một vũ trụ bao hàm cả cách ta biết được là tác nhân hoạt động. Điều này vượt ra khỏi cuộc tranh cãi giữa những nhà hiện thực và những nhà phi xây dựng xã hội (Soulé và Lease, 1995). Thêm vào như vậy giải thích được cả kiến thức truyền thống và hiện đại có thể đều có ích như thế nào và chúng tham gia như thế nào vào sự chuyển hóa tự nhiên. Sự thiết lập đó cũng có thể giúp ta hiểu các tư tưởng phương Tây về tự nhiên và cách suy nghĩ của chúng ta không đồng nhất với quá trình đồng tiến hóa đã chuyển hóa tự nhiên theo những cách không mong đợi và khiến ta phải vỡ mộng về mặt môi trường như thế nào.

+ Nhiều người sẽ thấy khó chịu lúc ban đầu với đồng tiến hóa, bởi các từ kiểu Newton mà rất quan trọng trong tranh luận của người phương Tây như *nguyên nhân*, *lực lượng* và *luật* không hợp với tư duy đồng tiến hóa. Nhưng đồng tiến hóa không thay thế cơ giới. Đồng tiến hóa trong sinh học giả định có các liên hệ trong hệ thống sinh thái. Sự mô tả của cơ học và các môn khoa học khác về cấu trúc và động lực của từng phần của hệ thống xã hội trong từng thời kỳ sẽ vẫn là thích hợp và có ích thậm chí cả trong tranh luận đồng tiến hóa rộng lớn hơn. Như vậy, khuôn khổ này đưa ra một cách tư duy mới nhưng chấp nhận nhiều phương pháp và tiếp thu các lỗi tư duy từ trước.

+ Đồng tiến hóa bằng cách nhấn mạnh rằng tương lai cuối cùng là không tiên đoán được phù hợp với kinh nghiệm của chúng ta và lý giải sự vỡ mộng của ta về mặt môi trường.

VI. CÁC KẾT QUẢ VỀ CHÍNH SÁCH

Liệu có các chính sách kết quả đi với một phương pháp bao trùm như vậy của xã hội học môi trường? Đồng tiến hóa lý giải tốt quá khứ, nhưng bản chất của nó là không tiên đoán tương lai. Nó không cho chúng ta các mối quan hệ nhân quả ổn định để ta có thể dựa vào đó mà làm cho các hành động đạt tới các mục đích mong muốn và tránh những hậu quả không mong muốn. Nhưng nhận ra điểm yếu này lại là một điều tốt, là học về chính sách đầu tiên và có lẽ là quan trọng nhất từ việc hiểu về sự chuyển biến xã hội và môi trường, là ý tưởng ta tin bấy lâu nay, là có thể tác động đến các kết quả về môi trường là một mộng ảo. Nếu trong nhiều trường hợp các quá trình được hiệu đúng là đồng tiến hóa thì khả năng tiên đoán và kiểm soát sẽ luôn luôn có giới hạn. Và nếu thực tế như vậy thì chính sách kết quả đầu tiên của xã

hội học môi trường đồng tiến hóa là thử nghiệm phải thực hiện thường xuyên, thận trọng và với quy mô nhỏ và có sự theo dõi dây chuyền sự kiện diễn ra sau đó trong tiến hóa hết sức chu đáo. Các chương trình lớn nhằm nhanh chóng áp dụng các lối hiểu biết, tổ chức, thực hiện về bản chất là nguy cơ rủi ro lớn. Nhiều thử nghiệm nhỏ thì tốt hơn vài thử nghiệm lớn.

Chính sách kết quả thứ hai của lối tư duy đồng tiến hóa có liên hệ với cái thứ nhất. Nên tránh các thử nghiệm đòi hỏi phải có đầu tư thời gian dài. Nếu khả năng tiên đoán tương lai của ta hạn chế thì các thay đổi có thể đảo ngược nhanh hoặc tự nhiên sẽ giảm là hay hơn. Một sự điên rồ là chấp nhận quản lý chất thải hạt nhân trong 50.000 năm chẳng hạn cố thể nhìn thấy dễ dàng hơn bằng quan điểm đồng tiến hóa.

Bài học thứ ba cũng liên hệ chặt chẽ với cái thứ nhất. Tính đa dạng trong các hệ thống đồng tiến hóa bản chất là tốt. Không có sự đa dạng, quá trình đồng tiến hóa có thể bị đình trệ. Có tính đa dạng, các hệ thống sẽ có khả năng vượt qua để sống sót trong những thay đổi về khí hậu hay các tác động gây nhiễu khác từ bên ngoài. Điều này có nghĩa là sự khống chế quá mức - dù là của hệ thống kiến trúc, hệ thống kinh tế, hay đơn giản là quyền lực chính trị - bản chất là không tốt trong nhân quan đồng tiến hóa.

Bài học thứ tư có lẫn cả tin hay và tin dở. Theo quan điểm đồng tiến hóa, tất cả mọi thứ đều liên hệ lẫn nhau và cho thêm vào một bộ phận mới chẳng hạn như một cơ quan mới hay một công nghệ mới, sẽ không nhanh chóng làm thay đổi cách hoạt động của hệ thống. Điều này đơn giản là vì bộ phận này có thể bị đào thải. Nếu lộ trình đồng tiến hóa hiện là hợp với con người thì nó có chiều hướng khá ổn định, nhưng nếu nó không hợp với con người thì nó cũng vẫn khá ổn định. Mặt khác thì những thay đổi nhỏ mà phù hợp, tức là lúc đầu đã thích hợp với các bộ phận khác của hệ thống, thì có thể làm thay đổi con đường đồng tiến hóa theo hướng tốt hơn hoặc tồi hơn.

Bài học thứ năm cũng rất có giá trị. Sự lý giải đồng tiến hóa đầu tiên về sự xuất hiện của tính không bền vững nêu trong phần IV cho ta ánh sáng mới để giải thích tại sao cách mạng công nghiệp đã có tầm quan trọng như vậy. Trước khi khai thác được nhiều hydrocarbon hóa thạch, các nền văn hóa đồng tiến hóa với hệ sinh thái. Khi khai thác được hydrocarbon hóa thạch, các nền văn hóa đồng tiến hóa xung quanh hydrocarbon, rõ ràng trong thế kỷ qua đã càng ngày càng bớt phụ thuộc vào hệ sinh thái. Sự tự do hiển nhiên này ở một mức độ lớn có được là do có một khoảng thời gian trì hoãn dài từ khi có sự ô xi hóa nguyên chất hydrocarbon đầu tiên đến khi tích lũy được tác động của việc dùng hydrocarbon mà ta cho là đang dẫn tới sự thay đổi khí hậu. Trong bất cứ trường hợp nào các giá trị hiện đại, các hệ thống kiến trúc, tổ chức và công nghệ phản ánh tính cố sẵn của hydrocarbon hóa thạch chứ không phản ánh các đặc điểm cần có để tác động tương hỗ với các hệ sinh thái và tiếp tục đồng tiến hóa một cách có hiệu quả với các hệ sinh thái. Chuyển hướng sang phát triển bền vững sẽ không dễ bởi vì mức độ của cái nên hydrocarbon đóng vào giữa tiến hóa văn hóa và quả cầu sinh học đã quá lớn.

Cách lý giải môi trường đồng tiến hóa đối với tác động tương hỗ xã hội và môi trường không đúng cũng không sai hơn các cách lý giải hiện đại. Tuy nhiên, cách lý giải đồng tiến hóa khác hẳn các quan niệm hiện đại. Sự khác biệt này có thể làm tăng hiểu biết của chúng ta về chủ nghĩa hiện đại và về các thách thức gay go của phát triển bền vững, tổ chức xã hội có hiệu quả, và đa dạng về văn hóa. Nếu chúng ta đã có được hiểu biết này từ trước kia thì sự vỡ mộng về môi trường cũng như các vỡ mộng khác đối với sự hiện đại có thể đã tránh được. Và khi ta có được sự hiểu biết này, nó có thể cho ta một cơ sở cho các kiểu liên hệ khác trước đây, với tự nhiên và giữa chúng ta với nhau.

Người dịch : KỶ NGUYỄN